

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HIỆP HÒA  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HS-ST  
Ngày 27 tháng 3 năm 2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Văn Hải;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Đô;

Ông Lê Thanh Miện.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Kim Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Vi Đăng K - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2024/TLHS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HS ngày 13/3/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Văn H; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1993;

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn C, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12;

Con ông Bùi Văn M, sinh năm 1969 và bà Trần Thị T, sinh năm 1971; Vợ: Giáp Thị N, sinh năm 1993; Bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017); Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là thứ 2.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

**\* Những người có quyền lợi, N1 vụ liên quan:**

1. Chị Giáp Thị N, sinh năm 1993 (Có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn C, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

2. Anh Vũ Đình N1, sinh năm 1993 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 50 phút ngày 15/12/2023, Công an huyện Hiệp Hòa tiến hành kiểm tra hành chính tại cơ sở kinh doanh rượu bia, nước giải khát X8, địa chỉ: Khu đô thị phía Nam, thị trấn T, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Quá trình kiểm tra phát hiện 08 đối tượng dương tính với ma túy gồm: Giáp Thị N, sinh năm 1993 ở Tổ dân phố B, thị trấn C, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Vũ Đình N, sinh năm 1993 ở Thôn V, xã V, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Phạm Thị N2, sinh năm 1993 cùng ở thôn L, xã V, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Việt D, sinh năm 1996 ở Đội 7, xã Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Ngô Ngọc K, sinh năm 2005 ở thôn L, xã V, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Trần Thị H, sinh năm 1986 ở thôn H, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh; Bùi Thị Phương T, sinh năm 2004 và Bùi Thị T1, sinh năm 2004 cùng ở thôn S, xã K, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Đến 18 giờ 10 phút cùng ngày Bùi Văn H, sinh năm 1993 ở Tổ dân phố B, thị trấn C, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đầu thú về hành vi cung cấp ma túy cho Giáp Thị N là vợ của H để N sử dụng. Quá trình đầu thú H giao nộp: 01 điện thoại Iphone có số IMEI: 258547329238073 và 01 xe ô tô biển kiểm soát 98A-184.50.

Quá trình điều tra H khai nhận: Khoảng 19 giờ ngày 14/12/2023, Bùi Văn H điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 98A-184.50 chở vợ là Giáp Thị N đi sang thôn H, thị trấn C, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đón chị Phùng Thị H, sinh năm 2001 ở cùng thôn để cùng sang huyện Hiệp Hòa ăn uống với Vũ Đình N. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, sau khi cả nhóm ăn tối xong liền rủ nhau đi đến quán X8 ở khu đô thị phía Nam, thị trấn T, Hiệp Hòa, Bắc Giang để nghe nhạc, uống nước. N1 điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 98A-333.60 của N1 chở H đến quán X8 trước, còn N điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 98A-184.50 chở H đi mua đồ. H và N1 đến quán trước rồi vào lấy bàn số 14. Tại bàn uống nước, N1 hỏi H: “*có chơi kẹo không*”? H trả lời: “*thế nào cũng được*”. Khoảng 10 phút sau thì N và H vào quán. H thấy N1 đứng dậy đi ra ngoài quán một mình khoảng 03 phút thì quay vào nhà vệ sinh bên trong. H liền đi vào nhà vệ sinh theo N1. Tại nhà vệ sinh của quán X8, N1 để trong lòng bàn tay một mẫu ma túy “kẹo” rồi đưa cho H, H đưa tay nhận ma túy N1 đưa, cầm ở tay trái đi ra bàn ngồi, N1 cũng đi theo sau ra bàn ngồi. Lúc này, cùng bàn với H, N1 có La Văn Hảo, sinh năm 1991 cùng vợ là Phạm Thị N2, sinh năm 1993 cùng ở thôn L, xã V, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Tại bàn số 14, H đưa tay trái cầm ma túy “kẹo” đưa qua gầm bàn, sang chỗ tay phải của N và bảo: “*em chơi đi, ngồi nghe nhạc*”, N đưa tay phải cầm ma túy ở lòng bàn tay và không nói gì. Sau đó, H tiếp tục nói chuyện với bạn, khoảng 03 phút sau, N cho ma túy “kẹo” mà H đưa vào miệng rồi uống bia để nuốt vào trong cơ thể. Sau đó, Cơ quan Công an đến kiểm tra phát hiện các đối tượng 08 đối tượng nêu trên dương tính với ma túy.

Ngày 15/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa tiến hành thực nghiệm điều tra hành vi H nhận ma túy và cung cấp ma túy cho Giáp Thị N sử dụng. Kết quả, H và N đã tự thực hiện hành vi cung cấp ma túy, nhận

ma túy và sử dụng ma túy như đã trình bày tại cơ quan điều tra.

Đối với hành vi cung cấp ma túy của Vũ Đình N cho Bùi Văn H: Tại cơ quan điều tra N1 không thừa nhận việc đưa ma túy cho H. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa N1 và H nhưng hai bên vẫn giữ nguyên lời khai, ngoài lời khai của H thì không còn chứng cứ nào chứng minh N1 cung cấp ma túy cho H.

Đối với Giáp Thị N khai nhận sử dụng ma túy do H cung cấp, kết quả xét nghiệm nước tiểu có kết quả Dương tính với ma túy MDMA,met. Ngày 08/02/2024, Công an huyện Hiệp Hòa ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 18/QĐ-XPHC đối với Giáp Thị N về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (BL 65B; 185-195).

Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA CERATO, biển kiểm soát 98A-184.50 thu giữ của Bùi Văn H xác định là tài sản chung của vợ chồng H, không liên quan đến hành vi phạm tội. Ngày 11/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng số 50/QĐXLVC trả lại chiếc xe ô tô trên cho Giáp Thị N (bút lục 50-54).

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone do H giao nộp được nhập kho vật chứng để xử lý.

Quá trình điều tra chị Giáp Thị N (vợ bị cáo) tự nguyện nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang số tiền 10.200.000đ theo biên lai số 0001713 ngày 04/01/2024 để đảm bảo việc thi hành án tiền phạt và tiền án phí cho bị cáo H.

Tại Cơ quan điều tra Công an huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang bị cáo Bùi Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKS-HH ngày 28 tháng 02 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Bùi Văn H về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn H khai nhận: Sau khi được Vũ Đình N cho ma túy, bị cáo không sử dụng nên bị cáo đã đưa cho vợ bị cáo là chị Giáp Thị N sử dụng. Ngoài ra bị cáo không cung cấp ma túy cho ai khác. Bị cáo thừa nhận hành vi đưa ma túy cho chị N sử dụng là sai.

Đại diện Viện sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bùi Văn H từ 02 (Hai) năm tù đến 02 (Hai) năm 02 (Hai) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 15/12/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo .

2. Về xử lý vật chứng và tài sản bị cáo, gia đình bị cáo tự nguyện nộp: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại bị cáo Bùi Văn H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có số IMEI: 258547329238073.

- Hoàn trả cho chị Giáp Thị N số tiền 10.000.000đồng trong tổng số tiền 10.200.000đồng chị N đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa theo biên lai số: 0001713 ngày 04/01/2024.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Bùi Văn H phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Bùi Văn H nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cũng như Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn H một lần nữa khai nhận toàn bộ hành vi đưa ma túy cho chị Giáp Thị N sử dụng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, N1 vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được đưa ra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Buổi tối ngày 14/12/2023, tại quán X8 thuộc khu đô thị phía Nam, thị trấn T, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Bùi Văn H đã có hành vi cung cấp chất ma túy dạng “Kẹo” cho chị Giáp Thị N, sinh năm 1993 là vợ của bị cáo H để N sử dụng trái phép.

Hành vi cung cấp ma túy cho người khác sử dụng như nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”* theo điểm khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi của

bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật hình sự, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ tác hại của việc sử dụng chất ma túy nhưng chỉ vì ham chơi, muốn thể hiện mình bị cáo đã cung cấp trái phép ma túy cho vợ mình sử dụng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất biệt được gây nghiện của Nhà nước, gây mất trật tự, an ninh xã hội. Từ tệ nạn ma túy làm nảy sinh nhiều loại tội phạm khác, gây nhức nhối cho toàn xã hội. Do đó, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự và có hình phạt tù tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4]. Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5]. Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo đầu thú và khai rõ hành vi phạm tội của bản thân. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có ông nội tên Bùi Văn Bào là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6]. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7]. Xét về hình phạt bổ sung: Căn cứ biên bản xác minh của Cơ quan điều tra cho thấy. Bị cáo không có tài sản riêng, đang sống phụ thuộc vào gia đình. Bị cáo phạm tội không mang tính vụ lợi. Do vậy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Đối với việc bị cáo H cho rằng Vũ Đình N là người đưa ma túy cho bị cáo: Tại cơ quan điều tra N1 không thừa nhận việc đưa ma túy cho H. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa N1 và H nhưng hai bên vẫn giữ nguyên lời khai, ngoài lời khai của H thì không còn chứng cứ nào chứng minh N1 cung cấp ma túy cho H. Do vậy, không đủ căn cứ xử lý đối với Vũ Đình N.

[9]. Đối với chị Giáp Thị N là người được H cung cấp ma túy để sử dụng, chị N không được bàn bạc trước và không phải trả tiền cho H, nên không đồng phạm với H. Ngày 08/02/2024, Công an huyện Hiệp Hòa ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với chị Giáp Thị N về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là đúng.

[10]. Đối với các đối tượng có kết quả Dương tính với ma túy MDMA, met khi cơ quan Công an kiểm tra tại quán X8, các đối tượng này đều khai bản thân không sử dụng ma túy tại quán X8, không biết lý do tại sao lại dương tính với ma túy. Do vậy, cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với các đối tượng trên về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

[11]. Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA CERATO, biển kiểm soát 98A-184.50 thu giữ của Bùi Văn H xác định là tài sản chung của vợ chồng H, không

liên quan đến hành vi phạm tội. Ngày 11/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe ô tô trên cho chị Giáp Thị N là vợ bị cáo H là có căn cứ.

[12]. Đối với số tiền 10.200.000đ quá trình điều tra chị Giáp Thị N (vợ bị cáo) tự nguyện nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo biên lai số 0001713 ngày 04/01/2024 (đang được lưu trong hồ sơ vụ án). Lý do chị N nộp số tiền trên là để đảm bảo việc thi hành án tiền phạt và tiền án phí cho bị cáo H. Xét thấy, việc chị N tự nguyện nộp số tiền trên để đảm bảo cho việc thi hành án đối với bị cáo H. Tuy nhiên, bị cáo H được miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền như đã nhận định ở trên. Bị cáo chỉ phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm. Do vậy, sau khi trừ đi số tiền 200.000đồng tiền án phí bị cáo H phải chịu, còn lại số tiền 10.000.000đồng là tài sản hợp pháp của chị N nên hoàn trả cho lại cho chị N số tiền nói trên.

[13]. Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone do bị cáo H giao nộp cho cơ quan điều tra không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo H.

[14] Về án phí: Bị cáo Bùi Văn H phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 10.2000.000đ (chị Giáp Thị N vợ bị cáo) đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa theo biên lai số: 0001713 ngày 04/01/2024. Xác nhận bị cáo H đã nộp đủ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bùi Văn H 02 (Hai) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 15/12/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo .

2. Về xử lý vật chứng và tài sản bị cáo, gia đình bị cáo tự nguyện nộp: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại bị cáo Bùi Văn H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có số IMEI: 258547329238073.

- Hoàn trả cho chị Giáp Thị N số tiền 10.000.000đồng (trong tổng số tiền 10.200.000đồng) chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo biên lai số: 0001713 ngày 04/01/2024.

(Toàn bộ đặc điểm vật chứng theo quyết định chuyển vật chứng số 26/QĐ-VKS-HH ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/3/2023 giữa Công an huyện Hiệp Hòa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban tH vụ

Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc Bùi Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 10.200.000đ bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo biên lai số: 0001713 ngày 04/01/2024. Xác nhận bị cáo H đã nộp đủ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo; người có quyền lợi, N1 vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, N1 vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Công an huyện Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Văn Hải**